

Báo cáo cập nhật KQKD Quý III/2026 – HT1

HOSE · HT1 · CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên



DOANH THU THUẦN · Q3

2.269

tỷ đồng · +21,6% YoY

LNST CỔ ĐÔNG MẸ · Q3

99

tỷ đồng · +16% YoY · -28%
QoQ

TIỀN RÒNG (GẦN HẾT NỢ)

+454

tỷ đồng · vay còn 33 tỷ

ĐỊNH GIÁ · P/E

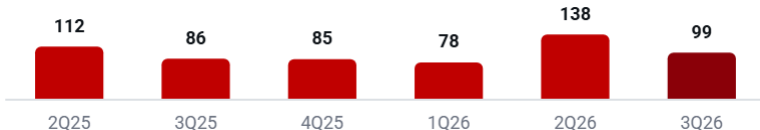
12,9 lần

P/B 1,0 · ROE 7,9%

ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 3

Quý 3/2026 của HT1 (Xi măng Vicem Hà Tiên) là một quý **doanh thu tiếp tục tăng mạnh nhờ sản lượng** nhưng **biên lợi nhuận co lại**. Doanh thu thuần đạt 2.269 tỷ (+21,6% so cùng kỳ) khi tiêu thụ xi măng phía Nam hồi phục cùng đầu tư công; song biên lợi nhuận gộp giảm về 11,6% (từ 14,3% ở Quý 2) do dư cung ngành và giá vốn (than, điện) ở mức cao. LNST cổ đông mẹ đạt 99 tỷ (+16% so cùng kỳ, nhưng -28% so Quý 2). Điểm sáng là **bảng cân đối đã lành mạnh hẳn**: dư nợ vay giảm còn 33 tỷ (từ hơn 1.100 tỷ đầu năm), tiền ròng +454 tỷ, chi phí lãi vay Quý 3 chỉ 1 tỷ. Lũy kế 9 tháng, LNST cổ đông mẹ 315 tỷ (+67%), hoàn thành ~79% kế hoạch lợi nhuận năm. Đây là câu chuyện **phục hồi theo chu kỳ đầu tư công** đi cùng giảm nợ, định giá quanh giá trị sổ sách (P/B 1,0) – chưa rẻ trên lợi nhuận hiện tại nhưng rẻ dần theo đà hồi phục.

Lợi nhuận sau thuế cổ đông mẹ theo quý · tỷ đồng



% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2026

Doanh thu 9T · 6.390 / 7.979 tỷ

80%

LNST 9T · 315 / 401 tỷ

79%

BẢNG CÂN ĐỐI: VỀ TIỀN RÒNG

+454 tỷ tiền ròng · vay còn 33 tỷ (đầu năm ~1.105) ·
lãi vay Q3 chỉ 1 tỷ

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP QUÝ 3

11,6% giảm từ 14,3% (Q2) do dư cung ngành & giá
vốn cao

ĐỘNG LỰC QUÝ 4

+50.000 đ/tấn · tăng giá bán xi măng từ 1/10 · đầu
tư công nửa cuối đẩy mạnh

ĐIỂM NHẤN

+21,6%
DT Q3

Doanh thu tăng mạnh nhờ sản lượng

doanh thu thuần 2.269 tỷ (+21,6% YoY) · tiêu thụ xi măng phía Nam hồi phục cùng đầu tư công

+454
TỶ TIỀN RÒNG

Giảm nợ về trạng thái tiền ròng

dư nợ vay còn 33 tỷ (đầu năm ~1.105) · lãi vay Q3 chỉ 1 tỷ → giảm mạnh chi phí tài chính

+67%
LNST 9T

Lợi nhuận 9 tháng phục hồi mạnh

LNST cổ đông mẹ 315 tỷ (+67% YoY) · hoàn thành ~79% kế hoạch lợi nhuận năm

CẦN THEO DÕI

11,6%
BIÊN GỘP

Biên lợi nhuận gộp Quý 3 co lại

giảm từ 14,3% (Q2) và 12,9% (cùng kỳ) do dư cung ngành & giá vốn than, điện cao

Dư cung

Ngành xi măng dư cung kéo dài

cạnh tranh giá gay gắt, công suất toàn ngành vượt nhu cầu → áp lực lên giá bán & biên

12,9
LẦN P/E

Chưa rẻ trên lợi nhuận hiện tại

P/E 12,9 trên ROE ~7,9% – cần lợi nhuận hồi phục đúng kỳ vọng để định giá hấp dẫn hơn

TRIỂN VỌNG CÁC QUÝ TỚI

Động lực nửa cuối rõ ràng hơn: HT1 **tăng giá bán xi măng ~50.000 đ/tấn từ 1/10** kỳ vọng giúp biên lợi nhuận phục hồi trong Quý 4, cùng giải ngân đầu tư công (mới ~63% kế hoạch) hỗ trợ sản lượng. TCBS Research dự phóng lợi nhuận ròng 2026 ~403 tỷ (+47%), 2027 +21%. **Chúng tôi cho rằng nếu có điều chỉnh mạnh từ vùng giá hiện tại, đây sẽ là cơ hội đầu tư tốt cho nhà đầu tư trung-dài hạn**: vùng giá giải ngân hấp dẫn quanh P/B 0,8–0,9 lần, khi biên an toàn được hỗ trợ bởi bảng cân đối tiền ròng và đà hồi phục lợi nhuận (P/E dự phóng ~10,5 lần 2027). Rủi ro dư cung ngành và giá than khiến biên còn biến động – nên kiên nhẫn chờ vùng giá tốt thay vì mua đuổi.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 26/10/2026

GIÁ · ĐỒNG	VỐN HÓA · TỶ Đ	GIÁ TRỊ SỐ SÁCH · Đ	P/B · LẦN	CỔ TỨC · %	SLCP · TRIỆU
13.550	5.171	13.419	1,0	2,0	381,6

1. Đánh giá của TCBS

Chất lượng lợi nhuận Quý 3, áp lực biên gộp, câu chuyện giảm nợ và chu kỳ đầu tư công

Kết quả Quý 3/2026 của HT1 (Xi măng Vicem Hà Tiên) được TCBS đánh giá là **tích cực ở doanh thu nhưng chịu áp lực ở biên lợi nhuận**. Doanh thu thuần đạt 2.269 tỷ (+21,6% so cùng kỳ) nhờ sản lượng xi măng phía Nam hồi phục theo nhu cầu xây dựng và đầu tư công; tuy nhiên biên lợi nhuận gộp giảm về 11,6% (từ 14,3% ở Quý 2 và 12,9% cùng kỳ) do dư cung ngành và giá vốn (than, điện) ở mức cao. LNST cổ đông mẹ đạt 99 tỷ (+16% so cùng kỳ, -28% so Quý 2). Đây là **quý không có khoản bất thường** – lợi nhuận hoàn toàn đến từ hoạt động cốt lõi.

Điểm chuyển biến quan trọng nhất là **bảng cân đối**: HT1 đã **giảm mạnh nợ vay** từ hơn 1.100 tỷ đầu năm xuống còn 33 tỷ cuối Quý 3, chuyển sang trạng thái **tiền ròng +454 tỷ**; chi phí lãi vay Quý 3 chỉ còn 1 tỷ (cùng kỳ 10 tỷ). Lũy kế 9 tháng, LNST cổ đông mẹ 315 tỷ (+67%), hoàn thành ~79% kế hoạch lợi nhuận năm. Cổ phiếu ở **13.550 đồng**, tương ứng P/E 12,9 lần và P/B 1,0 lần với ROE 7,9% – mức định giá đã phản ánh phần nào kỳ vọng phục hồi chu kỳ.

KẾT QUẢ QUÝ 3/2026 & LŨY KẾ 9 THÁNG

DOANH THU THUẦN Q3	LNST CỔ ĐÔNG MẸ Q3	BIÊN LỢI NHUẬN GỘP Q3	TIỀN RÒNG · VAY 33 TỶ	LNST MẸ 9 THÁNG	ĐỊNH GIÁ · P/E
2.269	99	11,6%	+454	315	12,9
tỷ · +21,6% YoY	tỷ · +16% YoY	từ 14,3% ở Q2	tỷ · lãi vay Q3 1 tỷ	tỷ · +67% YoY	lần · P/B 1,0 · ROE 7,9%

- ĐIỂM CHÍNH
- 01

Doanh thu tăng mạnh nhưng biên lợi nhuận co lại – doanh thu Q3 2.269 tỷ (+21,6%) nhờ sản lượng hồi phục; song biên gộp giảm về 11,6% (từ 14,3% ở Q2) do dư cung ngành và giá than/điện cao. LNST cổ đông mẹ 99 tỷ (+16% YoY nhưng -28% QoQ). Quý không có khoản bất thường.
- 02

Giảm nợ về trạng thái tiền ròng – dư nợ vay còn 33 tỷ (đầu năm ~1.105), tiền ròng +454 tỷ; chi phí lãi vay Q3 chỉ 1 tỷ (cùng kỳ 10 tỷ). Việc trả hết nợ ngắn hạn là trụ đỡ quan trọng cho lợi nhuận trong bối cảnh biên gộp chịu áp lực.
- 03

Phục hồi theo chu kỳ, định giá không rẻ – 9 tháng LNST mẹ 315 tỷ (+67%), hoàn thành ~79% kế hoạch; động lực Q4 là đợt tăng giá bán ~50.000 đ/tấn từ 1/10 và đầu tư công. Nhưng P/E 12,9 · P/B 1,0 với ROE 7,9% đã phản ánh kỳ vọng phục hồi.

2. Kết quả kinh doanh & phân tích tài chính

Tổng quan Quý 3, biên lợi nhuận & chi phí, giảm nợ & đầu tư công, hiệu quả và định giá

2.1. Tổng quan kết quả Quý 3/2026

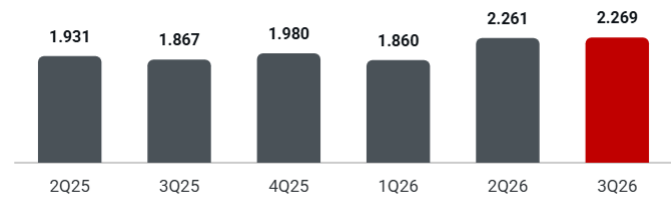
Quý 3/2026 ghi nhận doanh thu thuần **2.269 tỷ (+21,6% so cùng kỳ)** — mức cao nhờ sản lượng tiêu thụ xi măng phía Nam hồi phục. Lợi nhuận gộp đạt 264 tỷ với biên **11,6%** (cùng kỳ 12,9%, Quý 2 14,3%): biên co lại do dư cung ngành và giá vốn cao. Chi phí tài chính giảm mạnh còn 17 tỷ (lãi vay chỉ 1 tỷ) nhờ trả hết nợ. Lợi nhuận trước thuế **120 tỷ**, LNST cổ đông mẹ **99 tỷ (+16% so cùng kỳ)**. Lũy kế 9 tháng doanh thu 6.390 tỷ (+18,7%), LNST cổ đông mẹ 315 tỷ (+67%) — phục hồi mạnh so với nền thấp 2025.

DOANH THU THUẦN 2.269 tỷ đồng · +21,6% YoY	LỢI NHUẬN GỘP 264 tỷ đồng · biên 11,6%	LN THUẦN HĐKD 123 tỷ · CP lãi vay chỉ 1 tỷ
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 120 tỷ đồng · +14% YoY	LNST CỔ ĐÔNG MẸ 99 tỷ đồng · +16% YoY	LNST MẸ 9 THÁNG 315 tỷ · +67% YoY

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3/2026	Q3/2025	%YoY	Q2/2026	%QoQ
Doanh thu thuần	2.269	1.867	+21,6	2.261	+0,4
Lợi nhuận gộp	264	241	+9,7	324	-18,5
Biên lợi nhuận gộp (%)	11,6	12,9	-1,3 đ%	14,3	-2,7 đ%
Chi phí tài chính (lãi vay)	1	10	-90	11	-91
Lợi nhuận trước thuế	120	105	+14,1	168	-28,6
LNST cổ đông mẹ	99	86	+16,0	138	-28,1

■ Doanh thu thuần theo quý

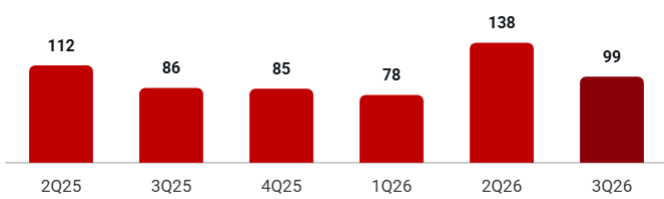
Tỷ đồng · doanh thu duy trì nền cao nhờ sản lượng



Nguồn: TCBS Research · BCTC HT1

■ LNST cổ đông mẹ theo quý

Tỷ đồng · Q3 giảm so Q2 do biên gộp co lại



Nguồn: TCBS Research · BCTC HT1

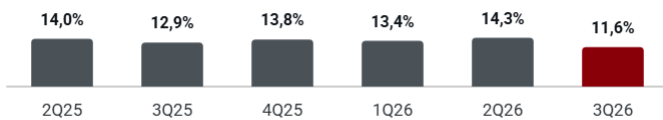
2.2. Biên lợi nhuận gộp & áp lực chi phí

Câu chuyện của Quý 3 là **biên lợi nhuận gộp co lại**: từ 14,3% (Quý 2) xuống 11,6% (Quý 3), do ngành xi măng vẫn **dư cung kéo dài** khiến cạnh tranh giá bán gay gắt, trong khi giá vốn (than nhiệt, điện) duy trì cao. Dù vậy, nhìn cả 9 tháng, biên gộp vẫn **cải thiện lên 13,1%** (so với 12,0% cùng kỳ) — cho thấy nền lợi nhuận cốt lõi đang hồi phục so với giai đoạn 2023–2024. Động lực tích cực cho Quý 4 là đợt **tăng giá bán xi măng ~50.000 đ/tấn từ 1/10**, kỳ vọng bù lại một phần áp lực giá vốn.

- **Biên gộp Quý 3 chịu áp lực dư cung và giá vốn** — biên gộp giảm về 11,6% (Q2 14,3%, cùng kỳ 12,9%). Ngành xi măng dư cung kéo dài, cạnh tranh giá gay gắt; giá than nhiệt và điện duy trì cao làm tăng giá vốn mỗi tấn sản phẩm.
- **Nhưng biên gộp 9 tháng vẫn cải thiện so cùng kỳ** — lũy kế 9 tháng biên gộp 13,1% (cùng kỳ 12,0%); lợi nhuận gộp 837 tỷ (+30%). Nền cốt lõi đã hồi phục rõ so với đáy 2023–2024, dù từng quý còn dao động theo giá vốn.
- **Động lực Quý 4 từ đợt tăng giá bán** — HT1 tăng giá bán xi măng ~50.000 đ/tấn áp dụng từ 1/10, kỳ vọng hỗ trợ biên lợi nhuận trong bối cảnh nhu cầu nửa cuối năm cải thiện theo giải ngân đầu tư công.

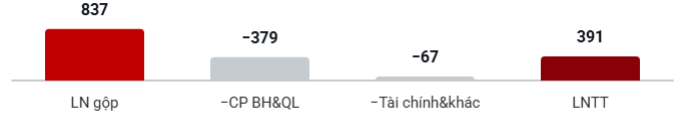
■ Biên lợi nhuận gộp theo quý

% · Q3 co lại, nhưng 9 tháng vẫn cải thiện YoY



■ Cấu thành LNTT lũy kế 9 tháng 2026

Tỷ đồng · từ lợi nhuận gộp đến LNTT



Nguồn: TCBS Research · BCTC HT1

Nguồn: TCBS Research · BCTC HT1

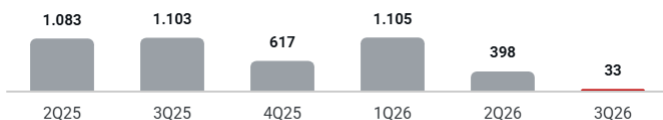
2.3. Giảm nợ về tiền ròng & đầu tư công

Chuyển biến lớn nhất trong năm 2026 là HT1 **giảm mạnh nợ vay**: dư nợ vay từ hơn 1.100 tỷ đầu năm xuống còn 33 tỷ cuối Quý 3, đưa doanh nghiệp về trạng thái **tiền ròng +454 tỷ**. Nhờ đó chi phí lãi vay Quý 3 chỉ còn 1 tỷ (cùng kỳ 10 tỷ, lũy kế 9 tháng 23 tỷ so với 35 tỷ) — một trụ đỡ quan trọng khi biên gộp chịu áp lực. Về nhu cầu, HT1 là **doanh nghiệp xi măng lớn nhất phía Nam**, hưởng lợi trực tiếp từ các đại dự án hạ tầng (sân bay Long Thành, Vành đai 3, cao tốc) và giải ngân đầu tư công đang được đẩy mạnh nửa cuối năm (mới đạt ~63% kế hoạch sau 9 tháng).

- **Trả gần hết nợ vay, về trạng thái tiền ròng** — dư nợ vay giảm từ ~1.105 tỷ (cuối Q1) xuống 398 tỷ (Q2) rồi 33 tỷ (Q3); tiền & tiền gửi 487 tỷ → tiền ròng +454 tỷ. Chi phí lãi vay gần như bằng 0, giảm đáng kể áp lực lên lợi nhuận.
- **Hưởng lợi từ chu kỳ đầu tư công phía Nam** — là nhà sản xuất xi măng lớn nhất khu vực, HT1 hưởng lợi từ nhu cầu cho Long Thành, Vành đai 3, các tuyến cao tốc. Giải ngân đầu tư công mới đạt ~63% kế hoạch sau 9 tháng nên dư địa nửa cuối còn lớn.
- **Rủi ro dư cung ngành vẫn hiện hữu** — công suất toàn ngành xi măng vượt nhu cầu nội địa, cạnh tranh giá và áp lực xuất khẩu khiến biên lợi nhuận khó bứt phá nhanh. Đây là yếu tố cần theo dõi cùng diễn biến giá than.

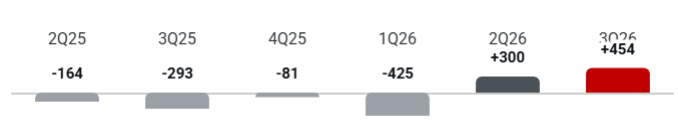
■ Dư nợ vay theo quý

Tỷ đồng · cuối quý · giảm về 33 tỷ



■ Tiền ròng (tiền - nợ vay) theo quý

Tỷ đồng · chuyển từ nợ ròng sang tiền ròng



Nguồn: BCTC HT1 · tổng hợp

Nguồn: BCTC HT1

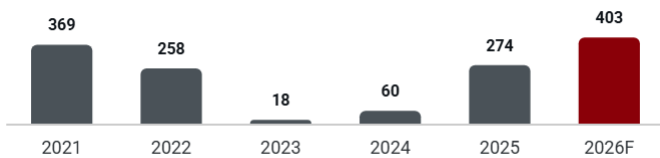
2.4. Hiệu quả sinh lời & định giá

Theo chu kỳ, lợi nhuận HT1 đã **phục hồi mạnh từ đáy 2023–2024**: LNST cả năm từ gần hòa vốn (2023) và 60 tỷ (2024) lên 274 tỷ (2025), và dự phóng ~403 tỷ năm 2026 (+47%). ROE phục hồi về ~7,9% (trượt 12 tháng) nhưng vẫn ở mức vừa phải so với lịch sử. Về định giá, cổ phiếu ở 13.550 đồng tương ứng **P/E 12,9 lần · P/B 1,0 lần**, cổ tức tiền mặt ~2%. Mức này **không rẻ** trên nền ROE hiện tại, đã phản ánh kỳ vọng phục hồi; tuy nhiên nếu chu kỳ đầu tư công và giá bán cải thiện, lợi nhuận có thể tiếp tục tăng (mô hình dự phóng 2027F EPS +21%).

- **Lợi nhuận phục hồi theo chu kỳ** — LNST cả năm từ ~18 tỷ (2023) và 60 tỷ (2024) lên 274 tỷ (2025), dự phóng ~403 tỷ (2026F). Đà hồi phục đến từ sản lượng đầu tư công, giảm chi phí lãi vay và biên gộp cải thiện so với đáy.
- **Định giá không rẻ trên hiệu quả hiện tại** — P/E 12,9 · P/B 1,0 với ROE ~7,9%; cổ tức tiền mặt ~2%. Định giá đã phản ánh kỳ vọng phục hồi, nên dư địa tăng giá phụ thuộc vào việc lợi nhuận có vượt kế hoạch nhờ giá bán và sản lượng hay không.

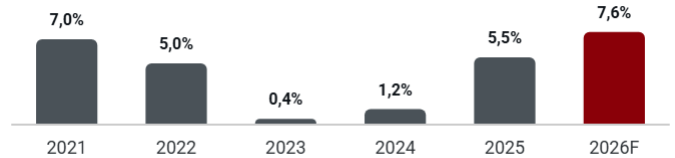
■ LNST theo năm · phục hồi từ đáy chu kỳ

Tỷ đồng · 2026F theo mô hình TCBS



■ ROE theo năm

% · phục hồi nhưng còn ở mức vừa phải



Nguồn: TCBS Research · BCTC HT1

Nguồn: TCBS Research · BCTC HT1

- **Đánh giá:** HT1 là **doanh nghiệp xi măng lớn nhất phía Nam đang phục hồi theo chu kỳ đầu tư công, bảng cân đối đã lành mạnh (tiền ròng)**; Quý 3 cho thấy doanh thu mạnh nhưng biên lợi nhuận còn chịu áp lực dư cung. TCBS đánh giá **TÍCH CỰC về cơ bản nhưng kỷ luật ở điểm vào**: doanh nghiệp đang hồi phục với bảng cân đối tiền ròng, song ở vùng giá hiện tại (P/B ~1 lần) định giá chưa rẻ — ưu tiên giải ngân khi giá chiết khấu về quanh P/B 0,8–0,9 lần. Theo dõi đợt tăng giá bán (1/10), giá than và tiến độ giải ngân hạ tầng; phù hợp nhà đầu tư trung–dài hạn kiên nhẫn hơn là mua đuổi ngắn hạn.

Phụ lục – Số liệu tài chính theo quý

Trích lược báo cáo kết quả kinh doanh và bảng cân đối kế toán theo quý

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026	Q3/2026
Doanh thu thuần	1.931	1.867	1.980	1.860	2.261	2.269
Lợi nhuận gộp	271	241	274	249	324	264
Biên lợi nhuận gộp (%)	14,0	12,9	13,8	13,4	14,3	11,6
Chi phí tài chính (lãi vay)	11	10	7	11	11	1
Lợi nhuận trước thuế	128	105	116	103	168	120
LNST cổ đông mẹ	112	86	85	78	138	99

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng) · cuối kỳ

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026	Q3/2026
Tổng tài sản	8.095	8.137	7.600	7.967	7.677	7.493
Tiền & tiền gửi ngắn hạn	919	810	536	680	698	487
Hàng tồn kho	693	670	683	640	734	747
Vay & nợ thuê tài chính	1.083	1.103	617	1.105	398	33
Tổng nợ phải trả	3.139	3.134	2.512	2.801	2.524	2.362
Vốn chủ sở hữu	4.956	5.004	5.089	5.167	5.153	5.131

Nguồn: BCTC hợp nhất HT1 & TCBS Research; TCBS tổng hợp. Số liệu theo quý dương lịch. Quý 3/2026 không có khoản thu nhập/chi phí bất thường – lợi nhuận hoàn toàn từ hoạt động cốt lõi. Dư nợ vay giảm từ 1.105 tỷ (cuối Quý 1) xuống 33 tỷ (cuối Quý 3), đưa doanh nghiệp về trạng thái tiền ròng +454 tỷ; chi phí lãi vay Quý 3 chỉ 1 tỷ. Tiền & tiền gửi gồm tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn.

Mô hình tài chính & dự phóng theo năm · 2021–2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các dòng tỷ lệ, lần, %, đồng/CP) · Cột 2026–2030 là dự phóng của mô hình TCBS · Năm 2023 có lợi nhuận gần hòa vốn nên P/E không có ý nghĩa tham chiếu · Biên lợi nhuận gộp mô hình giữ ~13,5%; HT1 đã về trạng thái tiền ròng nên tỷ lệ nợ vay/EBITDA gần 0 · Một số dòng tuyệt đối năm dự phóng tạm để trống · Nguồn: TCBS Research & BCTC HT1

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS				
	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Số lượng cổ phiếu (triệu)	381,6	381,6	381,6	381,6	381,6	381,6	381,6	381,6	381,6	381,6
P/E (lần)	20,8	14,3	—	71,8	22,4	12,7	10,5	8,8	7,7	6,8
EPS (đồng)	966	675	46	157	717	1.057	1.278	1.517	1.733	1.963
P/B (lần)	1,5	0,7	0,9	0,9	1,2	0,9	0,9	0,8	0,7	0,6
BVPS (đồng)	13.536	13.373	12.640	12.750	13.309	14.367	15.646	17.163	18.897	20.860
EV/EBITDA (lần)	8,1	6,4	8,4	7,0	6,0	4,2	4,0	3,8	3,7	3,6
ROE	7,0%	5,0%	0,4%	1,2%	5,5%	7,6%	8,5%	9,2%	9,6%	9,9%
Biên lợi nhuận gộp	12,3%	10,0%	8,6%	9,4%	12,5%	13,5%	13,5%	13,5%	13,5%	13,5%
Nợ vay / EBITDA (lần)	1,7	1,7	2,3	2,1	1,1	~0,0	~0,0	~0,0	~0,0	~0,0
Doanh thu thuần	7.064	8.918	7.049	6.885	7.365	~8.340	—	—	—	—
Tăng trưởng doanh thu		+26%	-21%	-2%	+7%	+13%	—	—	—	—
EBITDA	1.154	1.043	736	734	1.006	~1.190	—	—	—	—
LNST cổ đông mẹ	369	258	18	60	274	403	488	579	661	749
Tăng trưởng LNST		-30%	-93%	hồi phục	+353%	+47%	+21%	+19%	+14%	+13%
Tiền & tiền gửi	—	—	—	866	536	487	—	—	—	—
Tổng tài sản	8.809	9.385	8.623	8.223	7.600	7.493	—	—	—	—
Nợ phải trả	3.634	4.269	3.791	3.348	2.512	2.362	—	—	—	—
Vốn chủ sở hữu	5.175	5.116	4.832	4.875	5.089	5.131	—	—	—	—

© **Techcom Securities** | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.